

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Ứng Cương
- Ông Nguyễn Văn Kiện

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 608/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2001 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Anh H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2017, chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Thành H quen biết và T tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25-9-2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 06-01-2018 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 01-10-2019, hiện nay chị T đang

nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu anh H cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con 1.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành H trình bày tại bản tự khai: Anh H thống nhất với chị T về hôn nhân cũng như về con chung; về tài sản chung và nợ chung không có là đúng. Nay chị T xin ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh H đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 06-01-2018 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 01-10-2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con 1.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Thành H có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Thành H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án T hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Thành H chung sống với nhau vào năm 2017 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25-9-2019, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T:* Vợ chồng chị T và anh H không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của chị T tại Tòa án: Chị T và anh H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau, chị T và anh H đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Vì vậy, yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh H là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung:* Chị T và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 06-01-2018 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 01-10-2019, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy, từ thời gian chị T và anh H sống ly thân cho đến nay, cháu V và cháu Q vẫn do một mình chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Bên cạnh đó, anh H cũng

có ý kiến đồng ý giao cháu V và cháu Q cho chị T nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi cháu V và cháu Q.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng hàng tháng cho cháu V và cháu Q mỗi cháu 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H cũng đồng ý cấp dưỡng cho cháu V và cháu Q theo yêu cầu của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh H đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị T là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trước khi mở phiên tòa anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên anh H phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Thành H.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 06-01-2018 và cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 01-10-2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Thành H đối với cháu Nguyễn Ngọc V và cháu Nguyễn Ngọc Q, hàng tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm (17-3-2023) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hai bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang hoặc trực tiếp giao nhận.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì anh H còn phải trả cho chị T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Anh Nguyễn Thành H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Thành H đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng nhưng chị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005196 ngày 07-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị T không phải nộp thêm. Anh Nguyễn Thành H phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Cẩm T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân

